

ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG: GIÁO DỤC HÒA NHẬP

HỆ: ĐẠI HỌC MẦM NON CHÍNH QUY (tín chỉ)

CHƯƠNG 6

HỖ TRỢ CÁC NHÓM KHUYẾT TẬT KHÁC TRONG TRƯỜNG MẦM NON HÒA NHẬP

(TS: 06 tiết, LT: 4, TH: 2)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức

Sinh viên hiểu được những vấn đề về tổ chức giáo dục hòa nhập cho các nhóm trẻ KT khác trong trường MN:

- Hỗ trợ trẻ khó khăn về ngôn ngữ.
- Hỗ trợ trẻ rối loạn hành vi và cảm xúc trong lớp MN hòa nhập.
- Hỗ trợ trẻ khó khăn về học trong trường MN hòa nhập.
- Hỗ trợ trẻ KT vận động trong trường MN hòa nhập.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng đọc, nghiên cứu tài liệu, tổng hợp kiến thức về GD hòa nhập cho các nhóm trẻ KT khác trong trường MN.
- Sinh viên có kiến thức về GD hòa nhập cho các nhóm trẻ KT khác, từ đó biết áp dụng và thực tiễn công tác chăm sóc giáo dục trẻ KT tuổi mầm non.

3. Thái độ

Sinh viên có thái độ nghiêm túc, tích cực, tự giác trong quá trình tiếp nhận tri thức và rèn luyện kỹ năng.

B. Chuẩn bị

1. Giảng viên

- **Tài liệu chính:** Bùi Thị Lâm - Hoàng Thị Nho (2012), *Giáo trình giáo dục hòa nhập*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

- **Tài liệu tham khảo**

+ Trần Thị Hiệp - Nguyễn Xuân Hải - Lê Thị Thúy Hằng (2009), *Giáo trình giáo dục hòa nhập* (dành cho hệ cao đẳng Sư phạm mầm non), Nxb Giáo dục Việt Nam.

+ Nguyễn Thị Hòa (2012), *Giáo trình giáo dục học mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

2. Người học

- Bùi Thị Lâm - Hoàng Thị Nho (2012), *Giáo trình giáo dục hòa nhập*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

C. Nội dung bài giảng

I. Hỗ trợ trẻ khó khăn về ngôn ngữ

1. Khái niệm về trẻ khó khăn ngôn ngữ

- Ngôn ngữ có 3 yếu tố cơ bản hợp thành: ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Trong quá trình sử dụng ngôn ngữ, thường xuất hiện những khiếm khuyết về 3 yếu tố, những khiếm khuyết đó gây khó khăn kéo dài, ổn định, ảnh hưởng đến giao tiếp và sinh hoạt cho trẻ gọi là trẻ khó khăn về ngôn ngữ.

- Khó khăn về ngôn ngữ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của trẻ: khả năng giao tiếp, nhận thức, tư duy, tưởng tượng... ảnh hưởng đến khả năng hòa nhập, thích ứng, chậm sự phát triển chung so với độ tuổi.

2. Nguyên nhân gây khó khăn về ngôn ngữ

* *Sự phát triển không bình thường về cơ thể hoặc giác quan*

- Hệ thần kinh trung ương hoặc các cơ quan tham gia vào việc hình thành ngôn ngữ kém phát triển hoặc bị khiếm khuyết thì ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển ngôn ngữ.

- Các cơ quan không bình thường hoặc các bộ phận cấu âm ngoại biên (môi, răng, lưỡi...) có khiếm khuyết thì tiếng nói của trẻ cũng bị ảnh hưởng.

* *Nguyên nhân thai nghén, sinh đẻ*

- Khi mang thai, mẹ bị ốm, nhiễm khuẩn, nhiễm độc hoặc chịu ảnh hưởng của di truyền, chất độc...

- Trong khi sinh, trẻ bị ngạt, hoặc dùng biện pháp can thiệp lấy thai gây chấn thương, đẻ non, ngạt...

* *Nguyên nhân bệnh tật, dùng thuốc, chấn thương*

Khó khăn về ngôn ngữ có thể là hậu quả của một số bệnh: não, trẻ bị ốm, dùng thuốc quá liều, chấn thương sọ não, chấn thương tâm lý...

* *Nguyên nhân môi trường ngôn ngữ và đặc điểm CSGD*

- Nếu trẻ sống trong môi trường ngôn ngữ không tốt, có thể bị ảnh hưởng trong quá trình học nói.

- Nếu gia đình thiếu sự quan tâm, nhà trường không chú trọng đến ngôn ngữ của trẻ, không có biện pháp giúp trẻ phát triển ngôn ngữ và sửa tật ngôn ngữ cho trẻ thì có thể dẫn đến trẻ có khó khăn về ngôn ngữ.

3. Các dạng khó khăn ngôn ngữ thường gặp ở trẻ độ tuổi mầm non

* *Nói ngọng*

- Nói ngọng còn gọi là phát âm sai, một dạng khá phổ biến ở TE.

- Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tật nói ngọng ở trẻ: khiếm khuyết bộ phận bên ngoài của bộ máy phát âm, sự thiếu hụt uốn nắn, hướng dẫn của người lớn, trẻ bắt chước lỗi sai từ người lớn...

*** Nói lắp**

- Là dạng khó khăn ngôn ngữ do rối loạn âm điệu, nhịp điệu và tính lưu loát của lời nói, kèm theo cơ giật cơ tham gia cử động nói.

- Xuất hiện ở trẻ 3-5 tuổi: lời nói ngắt quãng, nghỉ không hợp lí, lặp đi lặp lại nhiều lần âm vị hay âm tiết đầu câu.

*** Nói khó**

- Nói khó không chỉ bị rối loạn về phát âm mà còn rối loạn các thành phần ngữ âm khác: thanh điệu, ngữ điệu, nhịp điệu.

- Trẻ có thể vẫn có vốn từ phong phú, ngữ pháp phù hợp mà chỉ khiếm khuyết về ngữ âm, ngữ điệu. Có thể kéo theo rối loạn hô hấp hay vận động cơ thể.

- Trẻ nói khó thường do sự suy giảm chức năng điều khiển vận động của trung ương thần kinh và đường dẫn truyền, nên khắc phục khó khăn và kéo dài.

*** Nói ngọng mũi**

- Do dị tật của các bộ phận trong khoang miệng và khoang mũi làm biến dạng cấu trúc tự nhiên của khoang miệng và khoang mũi. Trẻ ngọng mũi thường không phân biệt được phụ âm miệng và phụ âm mũi, phát âm lẫn lộn

- Để phục hồi chức năng ngôn ngữ, cần phẫu thuật chỉnh hình, sau đó giáo dục sửa tật ngôn ngữ

*** Mất khả năng nói**

- Trẻ có thể mất hoàn toàn hoặc một phần khả năng nói, diễn ra ở bất kì giai đoạn nào của những người đã có tiếng nói.

- Những biểu hiện cụ thể: Không hiểu ngôn ngữ mặc dù trước đã hiểu, không nói được mặc dù trước đã nói, hiểu và nói kém, khiếm khuyết cả ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp.

*** Không nói được**

Trẻ chưa bao giờ có ngôn ngữ, biểu hiện: Không hiểu hay hiểu rất ít ngôn ngữ, không biết nói hay nói rất ít, hiểu và nói ít.

4. Một số dấu hiệu nhận biết trẻ có khó khăn về ngôn ngữ

*** Những dấu hiệu về xử lí thính giác**

- Bị phân tán bởi tiếng ồn, khó tập trung chú ý.
- Khó thực hiện nhiệm vụ liên quan đến ngôn ngữ.
- Gặp khó khăn trong theo dõi trình tự, nhớ lời hướng dẫn.
- Nghĩ chậm, khó khăn trong hiểu lời nói đùa, từ giống nhau.
- Khó hiểu khi người khác nói nhanh.

*** Những dấu hiệu về ngữ dụng học**

- Không chú ý đến quy tắc trò chuyện: Luân phiên, giới thiệu và duy trì chủ đề.
- Khó khăn khi trả lời, tuân thủ luật chơi, phản ứng chậm, khó duy trì trò chuyện.
- Ít giao tiếp hoặc ít tác động đến bạn cùng lứa.

*** Những dấu hiệu về ngữ nghĩa học**

- Từ vựng biểu đạt hạn chế, chậm mở rộng vốn từ.
- Khó khăn với từ chỉ quan hệ so sánh, không gian, thời gian.
- Muốn nói nhưng không thể nói, không tìm đúng từ miêu tả đồ vật, không hiểu từ nói đùa, từ đa nghĩa.

*** Những dấu hiệu về cú pháp**

- Sử dụng câu ngắn, ngắt quãng, lúng túng với quy tắc ngôn ngữ.
- Khó khăn trong hoàn thành câu dài, ngữ pháp phức tạp, trật tự từ không đúng.

*** Những dấu hiệu về việc hiểu**

- Khó làm theo chỉ dẫn, theo trình tự, tình huống truyện.
- Đọc nhưng không nhớ nội dung, khó nhớ từ, khó hiểu câu hỏi

*** Những dấu hiệu về hành vi**

- Hay giận giữ, không giải thích cho người khác hiểu.
- Cãi cọ hay đánh nhau với bạn, có hành vi không phù hợp.
- Khó khăn trong chú ý vào chỉ dẫn nhiệm vụ.

*** Những dấu hiệu về tính lưu loát của lời nói**

- Nhắc lại từ hoặc cụm từ, bộ phận của từ. Phát âm kéo dài
- Rung cơ quanh miệng và hàm lúc nói. Căng thẳng, gắng sức khi nói...

5. Những hỗ trợ cho trẻ khó khăn về ngôn ngữ trong lớp học hòa nhập

*** Hiểu nhu cầu của trẻ và cố gắng lắng nghe trẻ**

- GV cần phát hiện ra cách trẻ giao tiếp với mọi người để hiểu được hành động của trẻ và tác động phù hợp, đảm bảo tín hiệu có chủ đích và có nghĩa.
- GV cần biết rõ mức độ thoải mái của trẻ với câu hỏi, ngôn ngữ đầu vào và không gian hoạt động của trẻ.
- Giúp trẻ cảm thấy an tâm và hiểu rằng: bất cứ cố gắng nào để trẻ nói đều được khuyến khích và đánh giá cao.
- Ngoài ra, GV cũng cần giúp trẻ khác trong lớp hiểu lời nói của trẻ khó khăn về ngôn ngữ.

*** Chỉ dẫn và nói với trẻ về những điều trẻ đang làm**

- Chơi cạnh trẻ, đưa ra chỉ dẫn/bình luận đơn giản về trò chơi một cách đơn giản, phù hợp với khả năng hiểu của trẻ.

- Khuyến khích trẻ miêu tả sự kiện một cách có trình tự, đưa ra các câu gợi ý...

*** Tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi hỗ trợ**

- Khuyến khích trẻ chơi các trò chơi đòi hỏi sự luân phiên để hỗ trợ cho trẻ học ngôn ngữ và các kỹ năng giao tiếp.

- Giúp trẻ chơi các trò chơi tưởng tượng cùng với trẻ khác để tạo cơ hội cho trẻ phát triển ngôn ngữ và khả năng tưởng tượng.

- Khi chơi cùng nhóm, GV chú ý câu hỏi của trẻ khác trong nhóm; chỉ dẫn, hỗ trợ trẻ khó khăn ngôn ngữ đưa ra phản ứng phù hợp, phối hợp chơi, khởi xướng ý tưởng...

*** Hỗ trợ và khuyến khích ngôn ngữ tiếp nhận**

- Để giúp trẻ hiểu ngôn ngữ, cần tập trung giúp trẻ chú ý trước khi hướng dẫn, hiểu lời nói và các từ khái quát. Thu hút sự chú ý của trẻ bằng nhiều cách khác nhau: Nói chậm, đơn giản hóa chỉ dẫn, yêu cầu trẻ nhắc lại chỉ dẫn.

- Để giúp trẻ hiểu lời nói, trước khi trò chuyện, GV nên giới thiệu thông tin mới, nói cho trẻ biết cần nghe cái gì, chia truyện thành các đoạn nhỏ, nói ý chính và yêu cầu trẻ nhắc lại ý chính.

- Để giúp trẻ hiểu từ khái quát, nên dạy từ trong các ngữ cảnh phù hợp, nhấn mạnh từ khái quát. Khi trẻ biết được từ, tạo cơ hội cho trẻ thực hành sử dụng từ.

*** Hỗ trợ và khuyến khích ngôn ngữ biểu đạt**

- Để giúp trẻ kể lại sự kiện, thông tin hoặc câu chuyện: Người lớn đưa ra câu hỏi theo thứ tự sự kiện xảy ra, giúp trẻ nhận ra nội dung chính cần kể lại, yêu cầu trẻ dừng lại khi không đúng hoặc không liên quan đến chủ đề.

- Tạo cơ hội để trẻ nói bằng những gợi ý sau:

- + Nói với trẻ khi chúng đang làm gì đó.
- + Khuyến khích trẻ chia sẻ, nói về những đồ vật đặc biệt với bạn.
- + Khuyến khích trẻ nói về những cảm nhận của chúng.
- + Cho trẻ tham gia nhiều hoạt động trong lớp nhằm khuyến khích trẻ nói.
- + Dạy trẻ đưa thông tin quan trọng.
- + Dạy trẻ những bài thơ, bài hát ngắn. Xây dựng cho trẻ sự tự tin về khả năng nói của mình
- + Tích cực hỏi trẻ bằng những câu hỏi mở

...

II. Hỗ trợ trẻ rối loạn hành vi và cảm xúc trong lớp mầm non hòa nhập

1. Khái niệm

- Theo Head Start, một trẻ được coi là rối loạn hành vi và cảm xúc là những trẻ được các nhà chuyên môn xác định rằng trẻ cần những trợ giúp đặc biệt. Trẻ có những biểu hiện: Hoạt động gây hấn nguy hiểm với người khác, tự xâm hại bản thân, thu mình, không giao tiếp, tăng động...

- Trẻ rối loạn hành vi và cảm xúc thường gặp khó khăn ở:

- + Khả năng cho và nhận trong mối quan hệ với người khác.
- + Nhận biết, thể hiện cảm xúc và động cơ phù hợp.
- + Các kĩ năng học tập và kĩ năng độc lập.
- + Đề nghị và chấp nhận sự giúp đỡ

2. Biểu hiện của trẻ rối loạn hành vi, cảm xúc và những ảnh hưởng của nó đến học tập và sự phát triển của trẻ

2.1. Trẻ có xu hướng thu mình

*** Các kĩ năng nhận thức**

- Trẻ có kĩ năng nhận thức như các bạn cùng tuổi, nhưng không biết ứng dụng các hiểu biết và kĩ năng có được. Trẻ có thể thực hiện tốt hơn những gì biểu hiện bằng lời và hành động.

- Trẻ thường học bằng cách quan sát người khác ở khoảng cách an toàn. Trẻ không tham gia vào các hoạt động, nhút nhát, ngại sử dụng đồ dùng, thiếu tự tin.

*** Các kĩ năng vận động**

- Trẻ thường hạn chế di chuyển mặc dù vận động thô và vận động tinh bình thường, một số trẻ có xu hướng ngồi, không thể hiện cảm xúc.

- Khi cần sử dụng cơ thể vận động, trẻ di chuyển vụng về, yếu ớt. Trẻ cũng thể hiện một số hành vi điển hình: xoay cổ tay, đu đưa người.

*** Các kĩ năng ngôn ngữ và lời nói**

- Trẻ hiểu ngôn ngữ và có thể sử dụng, nhưng nói rất ít. Trẻ thể hiện sự hài lòng bằng cách nhoeo miệng cười rất nhanh, hoặc thể hiện sự khó chịu bằng cách khóc thút thít. Trẻ nói rất nhỏ nên người khác khó nghe.

- Hành vi của trẻ thường thể hiện sự đơn độc, căng thẳng và tách biệt, nhưng cũng quan sát, bắt chước trẻ khác giao tiếp.

*** Các kĩ năng nhận biết bản thân và kĩ năng xã hội**

- Trẻ thường cho rằng: chúng không có khả năng để thực hiện nhiệm vụ một cách thành công. Cách để trẻ giải quyết cảm giác tiêu cực về khả năng của bản thân là tránh khỏi nhóm bạn và thu mình trong “vỏ ốc”. Để tránh bị cho rằng cách di chuyển của mình là sai lệch, trẻ không di chuyển nữa.

- Có những trẻ không dám thể hiện tức giận đối với người khác, chỉ dám thể hiện với bản thân hoặc đồ vật xung quanh: lăn ra sàn, phá hủy đồ chơi, ném đồ của mình đi...

- Cảm giác không làm được điều gì đó đúng vào thời điểm thích hợp theo đúng cách, trẻ có xu hướng thu mình không chơi và quan hệ với các trẻ khác.

- Trong trò chơi, trẻ thường bắt chước điệu bộ của người khác mà trẻ nhìn thấy trong trò chơi, thỉnh thoảng bắt chước các hoạt động chơi nhưng không di chuyển và vận động.

- Trẻ tỏ ra nhút nhát những cố gắng của người khác muốn thu hút trẻ tham gia, không nhận biết về những bạn khác, khó chịu khi ai đó cố gắng chơi với mình... do đó trẻ rất khó phát triển mối quan hệ với các bạn.

2.2. Trẻ có xu hướng lo âu

*** Các kỹ năng nhận thức**

- Trẻ biết cách sử dụng đồ dùng học tập, tuy nhiên vì có cảm giác không tham gia hoạt động trải nghiệm mới nên mức độ thuần thục kỹ năng của trẻ bị hạn chế.

- Trẻ thường bị gây rối bởi những suy nghĩ về trẻ khác, có thể quên các bước tiếp theo của trò chơi và nhậm lẫn, lúng túng.

*** Các kỹ năng vận động**

- Trẻ hạn chế di chuyển đến mức có thể, một số trẻ không sử dụng tất cả phần cơ thể để tham gia vào hoạt động.

- Khi dùng tay khám phá đồ vật, trẻ nhẹ nhàng quá mức, thỉnh thoảng bàn tay, ngón tay run sợ khi thực hiện các hoạt động ghép hình, thao tác với bảng...

*** Các kỹ năng ngôn ngữ và lời nói**

- Trẻ hay nói, nhưng lời nói của trẻ đều nhằm mô tả nỗi sợ hãi mà chúng đang lo lắng

- Trẻ có thể nói nhiều và rõ ràng, nhưng những gì trẻ nói rất lộn xộn và rất khó hiểu. Một số trẻ có xu hướng sử dụng phương thức ngôn ngữ không lời.

*** Các kỹ năng nhận biết bản thân và kỹ năng xã hội**

- Trẻ thường lo sợ, không chắc chắn về bản thân và khả năng của mình. Trẻ thường nói trẻ không làm được những gì mà người lớn đề nghị.

- Trẻ thích người khác khen ngợi và động viên trẻ hoàn thành công việc, thích làm người lớn hài lòng, rất nhạy cảm với sự phê bình và sợ hãi việc không được tán thành.

- Trẻ thường quan sát người khác từ một khoảng cách an toàn và tức giận khi người khác làm ồn hoặc đến gần trẻ. Nếu cảm thấy bất an, trẻ sẽ có hành vi gây hấn. Trẻ thể hiện sự quan tâm đến người khác bằng cách quan sát và nhận xét về hoạt động của bạn.

- Trẻ thể hiện sự phụ thuộc vào người lớn, thường xuyên tìm kiếm sự giúp đỡ và an ủi.

2.3. Trẻ có hành vi gây hấn

*** Các kỹ năng nhận thức**

- Trẻ có thể học và thực hiện nhiệm vụ về nhận thức giống các bạn cùng tuổi, tuy nhiên dễ bị sao nhãng bởi những hoạt động của trẻ khác hoặc do nhu cầu của trẻ muốn thay đổi hoạt động.